

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:189/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị trấn Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị trấn Dĩ An tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị trấn Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 418/2022/TLST– HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1980; thường trú: Số mới 92 (số cũ 6/20) đường số 11, khu phố N, phường D, thị trấn Dĩ An, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1974; thường trú: Số mới 92 (số cũ 6/20) đường số 11, khu phố N, phường D, thị trấn Dĩ An, tỉnh B; nơi ở hiện nay: Số NH 29, đường số 11, khu phố N, phường D, thị trấn Dĩ An, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà Lê Thị M và ông Trần Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D,

huyện D (nay là phường D, tHnh phố D), tỉnh B vào năm 2002. Việc kết hôn của bà M và ông H là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do bà M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, ông H biết, bà M có nhận lỗi với ông H và chấm dứt hoàn toàn với mối quan hệ bất chính đó. Mặc dù, ông H đã tha thứ, nhưng ông H vẫn thường xuyên chửi bới, dùng những lời lẽ nặng nề để xúc phạm bà, gia đình bà, bên cạnh đó còn đánh đập và đe dọa sẽ giết bà. Cuộc sống như vậy, lập đi lập lại dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Cho nên, bà dọn ra ngoài ở riêng, vợ chồng ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Nay bà Lê Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Trần Lê Trang A, sinh ngày 12/02/2003 và Trần Đức A, sinh ngày 23/9/2006. Hiện các con chung đang sinh sống cùng với bà M. Bà M yêu cầu sau ly hôn con chung là cháu Trần Đức A sẽ do bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung là cháu Trần Lê Trang A đã trưởng tHnh, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hai vợ chồng sau thời gian tìm hiểu đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì ông phát hiện bà M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Ông cũng đã bỏ qua lỗi lầm cho bà M để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Ông vẫn còn tình cảm với bà M, đồng thời muốn con cái có một gia đình trọn vẹn nên bà M yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Trần Lê Trang A, sinh ngày 12/02/2003 và Trần Đức A, sinh ngày 23/9/2006. Ông H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Trần Văn H không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp Hnh và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 23/9/2022 và 29/9/2022 nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào qui định của pháp luật xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân tHnh phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn H đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 23/9/2022 và 29/9/2022 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Trần Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D (nay là phường D, tHnh phố D), tỉnh B vào ngày 08/4/2002, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2002, quyển số 01 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M và ông H đã phát sinh từ năm 2019 do bà M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Mâu thuẫn này hai vợ chồng đều thừa nhận và bỏ qua lỗi lầm cho nhau để cùng tiếp tục chung sống và xây dựng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó cuộc sống chung của ông, bà vẫn xảy ra mâu thuẫn, cụ thể là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau và đánh đập nhau. Điều này, hai cháu Trần Lê Trang A và Trần Đức A đều chứng kiến. Chính vì có nhiều mâu thuẫn, nên hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Mặc dù, trước đó ông H có ý kiến vẫn còn tình cảm với bà M, không đồng ý ly hôn, nhưng khi Tòa án triệu tập ông H đến Tòa án để hòa giải, Hn gần tình cảm vợ chồng thì ông H không đến. Điều này chứng tỏ bản thân ông H đã không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau. Từ những phân tích trên chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của bà M và ông H không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà M yêu cầu được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Lê Trang A, sinh ngày 12/02/2003 và Trần Đức A, sinh ngày 23/9/2006. Các con chung đang sống cùng với bà M. Xét thấy, trong quá trình tố tụng ông H không có ý kiến mong muốn nuôi con chung hay không nếu trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn. Cháu Trần Đức A có nguyện vọng được sống cùng với bà M, hơn nữa trong thời gian vợ chồng ly thân, bà M vẫn đảm bảo việc nuôi dạy con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung là cháu Trần Đức A cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Còn con chung là cháu Trần Lê Trang A đã trưởng tHnh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà Lê Thị M không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của bà M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M được ly hôn với ông Trần Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2002, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An (nay là phường Dĩ An, tHnh phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/4/2002).

2. Về con chung: Ông Trần Văn H có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Đức A, sinh ngày 23/9/2006 cho bà Lê Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị M không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung là cháu Trần Lê Trang A, sinh ngày 12/02/2003 đã trưởng tHnh nên không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, ông Trần Văn H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Bà Lê Thị M không có quyền cản trở ông Trần Văn H thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004037 ngày 01/7/2022 của Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tHnh phố Dĩ An;
- Chi cục THADS tHnh phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Nguyễn Thị Thụy